

Bản án số: 23/2022/DS-ST

Ngày: 09-5-2022

V/v: “Tranh chấp nghĩa vụ thanh
toán tiền”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Trường và bà Nguyễn Thị Bình.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tô Văn Liên – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022, về việc: “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa các bên đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị Kim Q, sinh năm 1967;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1966;

Cùng nơi cư trú: Số nhà 162, đường 3 tháng 2, khu phố 5, thị trấn ĐT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn G, sinh năm 1946 và bà Đoàn Thị H, sinh năm 1950.

Cùng nơi cư trú: Số nhà 24, đường Lê Quý Đôn, khu phố 4, thị trấn VX, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1966;

Nơi cư trú: Số nhà 162, đường 3 tháng 2, khu phố 5, thị trấn ĐT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn và Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trong khoản thời gian từ năm 2013 đến năm 2016, vợ chồng nguyên đơn có bán thức ăn gia súc cho vợ chồng ông Nguyễn G và bà Đoàn Thị H. Quá trình mua bán với nhau, ông G và bà H có trả tiền cho vợ chồng nguyên đơn nhưng trả không đầy đủ, tính đến tháng 6/2016 thì ông G và bà H còn nợ vợ chồng nguyên đơn số tiền 25.200.000 đồng. Vào ngày 05/01/2020, vợ chồng ông G và bà H có trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng, số tiền còn lại thì ông G và bà H cứ hứa hẹn mà không chịu thanh toán, mặc dù vợ chồng nguyên đơn và tôi đã nhiều lần đến nhà ông G và bà H để yêu cầu thanh toán dứt điểm.

Việc nguyên đơn trực tiếp giao dịch mua bán cám với ông G và bà H là hoạt động kinh doanh chung của vợ chồng nguyên đơn và ông Huỳnh Văn T; do đó, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông G và bà H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Kim Q và ông Huỳnh Văn T số tiền còn nợ gốc là 20.200.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 6/6/2016 (ngày kết sổ nợ mua bán) đến ngày 6/02/2022 = 68 tháng x 0,83%/tháng x 20.200.000 đồng = 11.400.000 đồng. Tổng cộng số tiền mà ông G và bà H phải thanh toán cho ông T và bà Q là 31.600.000 đồng; đồng thời nguyên đơn còn yêu cầu ông G và bà H còn tiếp tục chịu lãi cho đến khi trả xong số tiền nợ gốc.

Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được thông báo hợp lệ về Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tại biên bản lấy lời khai lập ngày 17/02/2022, bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền mua thức ăn gia súc là 20.200.000 đồng, bị đơn đồng ý trả nợ cho nguyên đơn và không đồng ý trả lãi; tuy nhiên, bị đơn không ký xác nhận nội dung lời khai của bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Hoạt động kinh doanh thức ăn gia súc là hoạt động kinh doanh chung của ông T và bà Q, do bà Q đại diện giao dịch với khách hàng; nay bà Q khởi kiện yêu cầu ông G và bà H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Kim Q và ông Huỳnh Văn T số tiền còn nợ gốc là 20.200.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 06/6/2016 thì ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn và thay đổi về thời gian tính lãi, cụ thể: Yêu cầu ông G và bà H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Kim Q và ông Huỳnh Văn T số tiền còn nợ gốc là 20.200.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày

09/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất 10%/năm và tiếp tục chịu lãi cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Bị đơn vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất với ý kiến trình của Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Kiểm sát viên được phân công tham gia phiên tòa nêu quan điểm về vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người liên quan đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự có trong hồ sơ vụ án, xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho bà Lê Thị Kim Q và ông Huỳnh Văn T số tiền nợ gốc là 20.200.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định, buộc bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Lê Thị Kim Q khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn G và Đoàn Thị H thanh toán tiền mua bán thức ăn gia súc và tiền lãi chậm trả; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 4, thị trấn VX, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp nghĩa vụ thanh toán tiền trong hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự khác đã giao nộp trong quá trình giải quyết vụ án và tài liệu, chứng cứ do Tòa án đã thu thập theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tài liệu, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[4.1] Căn cứ vào sổ theo dõi mua bán cám do nguyên đơn cung cấp có căn cứ khẳng định trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến 2016, nguyên đơn nhiều lần bán thức ăn gia súc (cám) cho bị đơn, bị đơn thanh toán tiền cho nguyên đơn thành nhiều đợt; đến ngày 6/6/2016 thì số tiền bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 25.200.000 đồng; đến ngày 15/01/2020 thì bị đơn tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 20.200.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được thông báo hợp lệ về Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tại biên bản lấy lời khai lập ngày 17/02/2022, bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền mua thức ăn gia súc là 20.200.000 đồng, bị đơn đồng ý trả nợ cho nguyên đơn và không đồng ý trả lãi; tuy nhiên, bị đơn không ký xác nhận nội dung lời khai của bị đơn. Điều này chứng tỏ bị đơn đã biết việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ do mua thức ăn gia súc, nhưng bị đơn đã không hợp tác với Tòa án để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 20.200.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi trên số tiền chậm trả, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu tính lãi kể từ ngày 6/6/2016 (ngày kết sổ nợ mua bán); tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải liên đới thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm, tương đương 0,833%/tháng tính từ ngày 09/01/2017; mức lãi suất và thời điểm tính lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.”

Mặc dù nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận lãi trong quá trình thực hiện giao dịch mua bán cám; tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là nghĩa vụ của bên mua trong hợp đồng mua bán tài sản đã được pháp luật quy định, do đó yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468

của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Do các bên đương sự không có thỏa thuận lãi suất trong quá trình mua bán và sau khi kết nợ, do đó lãi suất phát sinh do chậm trả tiền sẽ được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể: Hội đồng xét xử chấp nhận tính tiền lãi từ ngày 09/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm như sau:

20.200.000đồng x 10%/năm (0,833%/tháng) x 5 năm 4 tháng = 10.773.000 đồng.

[4.3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền còn phải thi hành án đến khi thi hành án xong là phù hợp quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; Điều 95; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 262; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 357, khoản 3 Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 33, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Kim Q:

Buộc ông Nguyễn G và bà Đoàn Thị H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Lê Thị Kim Q và ông Huỳnh Văn T số tiền 30.973.000 đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc là 20.200.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 09/5/2022 là 10.773.000 đồng.

Kể từ ngày bà Lê Thị Kim Q và ông Huỳnh Văn T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí: Buộc ông Nguyễn G và bà Đoàn Thị H phải chịu số tiền 1.548.6000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Trả lại cho bà Lê Thị Kim Q số tiền 1.058.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh theo biên lai thu tiền số 0009084 ngày 10/01/2022.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận